

Số: /GPMT-BQL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 7 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Xe hơi Thể thao Uy Tín tại văn bản số 307/UT ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án “Công ty TNHH Xe hơi Thể thao Uy Tín (Dịch vụ thiết kế, bảo dưỡng và sửa chữa xe ô tô quy mô 2.300 chiếc/năm)” tại Khu chế xuất Tân Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Môi trường tại Tờ trình ngày 08 tháng 7 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Xe hơi Thể thao Uy Tín, địa chỉ trụ sở chính tại lô DVTM-5-6-7, đường số N1 và lô DVTM-4, đường số 7, khu thương mại Nam, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Công ty TNHH Xe hơi Thể thao Uy Tín (Dịch vụ thiết kế, bảo dưỡng và sửa chữa xe ô tô quy mô 2.300 chiếc/năm)” địa chỉ tại lô DVTM-5-6-7, đường số N1 và lô DVTM-4, đường số 7, khu thương mại Nam, Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Big Lotus (Tân Thuận)) với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư:**

1.1. Tên dự án đầu tư: Công ty TNHH Xe hơi Thể thao Uy Tín (Dịch vụ thiết kế, bảo dưỡng và sửa chữa xe ô tô quy mô 2.300 chiếc/năm).

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô DVTM-5-6-7, đường số N1 và lô DVTM-4, đường số 7, khu thương mại Nam, Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Big Lotus (Tân Thuận)).

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304806560 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2012, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 15 tháng 04 năm 2021; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9913377043 do Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp, chứng nhận lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2021, chứng nhận điều chỉnh lần thứ hai ngày 02 tháng 10 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 0304806560.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: dịch vụ thiết kế, bảo dưỡng và sửa chữa xe ô tô.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích sử dụng: 12.945,1 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: tổng vốn đầu tư 177.718.102.080 đồng.

- Công suất: dịch vụ thiết kế, bảo dưỡng và sửa chữa xe ô tô với quy mô 2.300 chiếc/năm.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2:** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Xe hơi Thể thao Uy Tín:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Xe hơi Thể thao Uy Tín có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép môi trường: đến ngày 31 tháng 3 năm 2031.

**Điều 4.** Giao Phòng Quản lý Môi trường - Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Công ty TNHH Xe hơi Thể thao Uy Tín;
- UBND TPHCM;
- Sở TN&MT TPHCM;
- UBND Quận 7;
- Công ty TNHH Tân Thuận;
- Lãnh đạo Ban;
- Cổng thông tin điện tử BQL các KCX&CN;
- Lưu: VT, PQLMT, Th 12.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Phạm Thanh Trục**

## Phụ lục 1

### **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 7 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)*

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu chế xuất Tân Thuận, không xả ra môi trường).

#### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

##### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

###### **1.1. Mạng lưới thu gom nước thải**

- Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý qua bể tự hoại, sau đó tiếp tục đưa về hệ thống xử lý nước thải 30 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của tòa nhà để xử lý.
- Nước vệ sinh sàn khu vực xưởng sửa chữa ở tầng 3 và tầng 1 được thu gom về hồ bơm nước thải số 01 (L x B x H = 1,5m x 1,5m x 1,85m) trước khi bơm về hệ thống xử lý nước thải 30 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của tòa nhà.
- Nước thải từ khu vực rửa xe tại tầng hầm được thu gom về hồ bơm nước thải số 02 (L x B x H = 1,5m x 1,5m x 1,85m) trước khi bơm về hệ thống xử lý nước thải 30 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của tòa nhà.
- Nước thải rửa lọc từ hệ thống xử lý nước mưa được thu gom về hồ bơm nước thải số 03 (L x B x H = 1,5m x 2,0m x 1,85m) trước khi bơm về hệ thống xử lý nước thải 30 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của tòa nhà.
- Nước thải từ khu vực rửa xe tại tầng 3 và nước vệ sinh sàn khác tại tầng 1 được thu gom thẳng về hệ thống xử lý nước thải 30 m<sup>3</sup>/ngày.đêm của tòa nhà.
- Toàn bộ nước thải phát sinh tại dự án được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất 30m<sup>3</sup>/ngày đêm trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu chế xuất Tân Thuận trên đường số 7 có tọa độ là X = 1189150,087; Y = 607390,023 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105045', múi chiếu 30).

###### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

1.2.1. Bể tự hoại: 01 bể thể tích 19,92 m<sup>3</sup>.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày.đêm:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải rửa xe, vệ sinh nhà xưởng, nước rửa lọc hệ thống xử lý nước mưa sau khi qua bể tách dầu + Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí MBBR → Bể lắng → Bể khử trùng → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu chế xuất Tân Thuận tại hố ga trên đường số 7 có tọa độ là X = 1189150,087; Y = 607390,023 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105<sup>0</sup>45', múi chiếu 3<sup>0</sup>).

- Công suất thiết kế: 30 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Chlorine, chất phá bọt antifoam, dinh dưỡng (mật rỉ đường hoặc tương đương).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động, hút bùn từ bể tự hoại định kỳ để đảm bảo khả năng hoạt động của bể tự hoại; quản lý bùn từ bể tự hoại theo Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định thu gom, vận chuyển, xử lý chất rắn xây dựng và bùn thải từ bể phốt, hầm cầu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thường xuyên vận hành, kiểm tra, duy tu và bảo dưỡng các máy móc, thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình công nghệ đã được phê duyệt.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng (lưu lượng quá tải, nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn), chưa thể khắc phục ngay, sẽ tạm dừng hoạt động phát sinh nước thải để khắc phục sự cố.

- Định kỳ phối hợp với chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng Khu chế xuất Tân Thuận kiểm tra chất lượng nước thải tại hố ga đầu nối để theo dõi các hoạt động của hệ thống xử lý nước thải. Nếu có vấn đề phát sinh, có biện pháp kịp thời để điều chỉnh hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 3 tháng dự kiến từ tháng 7 năm 2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Đầu vào: Tại bể điều hòa;
- Đầu ra: Ống thoát nước thải sau hệ thống xử lý tại hố ga đầu nối nước thải của dự án với hệ thống thu gom nước thải của Khu chế xuất Tân Thuận.

### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm:

- Các chất ô nhiễm: pH, chất rắn lơ lửng (TSS), BOD<sub>5</sub>, COD, Tổng Phốt pho (tính theo P), Tổng Nitơ, Amoni (tính theo N), tổng dầu mỡ khoáng, Clo dư, Florua.
- Giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm: nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối của Khu chế xuất Tân Thuận.

2.3. Tần suất lấy mẫu: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định, thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Tách rời hoàn toàn hệ thống thu gom, thoát nước thải với hệ thống thu gom, thoát nước mưa; thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng Khu chế xuất Tân Thuận, không được phép xả thải trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu chế xuất Tân Thuận.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ.

**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI  
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 7 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI****1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Bụi, hơi dung môi từ buồng sơn nhanh số 01.
- Nguồn số 02: Bụi, hơi dung môi từ buồng sơn nhanh số 02.
- Nguồn số 03: Bụi, hơi dung môi từ buồng sơn nhanh số 03.
- Nguồn số 04: Bụi, hơi dung môi từ buồng sơn sấy số 01.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:****2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 01: tương ứng ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý của buồng sơn nhanh số 01 (Nguồn số 01), tọa độ vị trí cửa xả khí thải:  $X = 1189106,972$ ;  $Y = 607359,767$ .
- Dòng khí thải số 02: tương ứng ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý của buồng sơn nhanh số 02 (Nguồn số 02), tọa độ vị trí cửa xả khí thải:  $X = 1189110,045$ ;  $Y = 607359,767$ .
- Dòng khí thải số 03: tương ứng ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý của buồng sơn nhanh số 03 (Nguồn số 03), tọa độ vị trí cửa xả khí thải:  $X = 1189116,190$ ;  $Y = 607359,767$ .
- Dòng khí thải số 04: tương ứng ống thoát khí thải sau xử lý của buồng sơn sấy số 01 (Nguồn số 04), tọa độ vị trí cửa xả khí thải:  $X = 1189113,118$ ;  $Y = 607359,757$ .
- Dòng khí thải số 05: Tương ứng ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi trung tâm (hỗ trợ xử lý bụi phát sinh công đoạn mài, chà nhám thực hiện trong các buồng sơn nhanh số 01, 02, 03 - nguồn số 01, 02, 03), tọa độ vị trí cửa xả khí thải:  $X = 1189110,122$ ;  $Y = 607359,757$ .

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến  $105^{\circ}45'$  múi chiều  $3^{\circ}$ )

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất  $20.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất  $20.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất  $20.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 32.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 05: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 700 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: xả thải liên tục trong quá trình hoạt động của các buồng sơn.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ; QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B với hệ số  $K_p = 0,9$  và  $K_v = 1,0$ ) trước khi xả ra môi trường, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
<b>I</b>	<b>Dòng khí thải số 01 - 04</b>				
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	180		
3	Amoniac và hợp chất của amoni	mg/Nm <sup>3</sup>	45		
4	Toluen	mg/Nm <sup>3</sup>	750	1 năm/lần	
5	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	870		
6	Styren	mg/Nm <sup>3</sup>	100		
7	n-Butyl axetat	mg/Nm <sup>3</sup>	950		
8	Etylbenzen	mg/Nm <sup>3</sup>	870		
9	n-Propanol	mg/Nm <sup>3</sup>	980		
10	Etylaxetat	mg/Nm <sup>3</sup>	1.400		
11	Amylaxetat	mg/Nm <sup>3</sup>	525		
12	n-butanol	mg/Nm <sup>3</sup>	360		
13	Benzen	mg/Nm <sup>3</sup>	5		
<b>II</b>	<b>Dòng khí thải số 05</b>				
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	180		
3	Amoniac và hợp chất của amoni	mg/Nm <sup>3</sup>	45		
4	Cu	mg/Nm <sup>3</sup>	9	1 năm/lần	
5	Zn	mg/Nm <sup>3</sup>	27		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Bụi, hơi dung môi từ nguồn số 01 được thu gom về hệ thống xử lý khí thải buồng sơn nhanh số 01 để xử lý.
- Bụi, hơi dung môi từ nguồn số 02 được thu gom về hệ thống xử lý khí thải buồng sơn nhanh số 02 để xử lý.
- Bụi, hơi dung môi từ nguồn số 03 được thu gom về hệ thống xử lý khí thải buồng sơn nhanh số 03 để xử lý.
- Bụi, hơi dung môi từ nguồn số 04 được thu gom về hệ thống xử lý khí thải buồng sơn sấy số 01 để xử lý.
- Bụi mài, chà nhám từ các nguồn số 01, 02, 03 được thu gom về hệ thống xử lý bụi trung tâm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải buồng sơn nhanh số 01, 02, 03:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi và hơi dung môi sơn từ công đoạn đồng sơn → Bộ lọc bụi sàn → Bộ lọc bụi túi → Quạt hút → Ống thải → Cửa xả tại mặt dựng tòa nhà kích thước 1.000mm x 600mm, cao 16,65m tính từ mặt đất đến tim cửa.
- Công suất thiết kế của mỗi hệ thống: 20.000 m<sup>3</sup>/giờ
- Hóa chất sử dụng: Không có.

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải buồng sơn sấy số 01:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi và hơi dung môi sơn từ công đoạn đồng sơn → Bộ lọc bụi sàn → Bộ lọc bụi túi → Quạt hút → Ống thải → Cửa xả tại mặt dựng tòa nhà kích thước 1.000mm x 600mm, cao 16,65m tính từ mặt đất đến tim cửa.
- Công suất thiết kế của hệ thống: 32.000 m<sup>3</sup>/giờ
- Hóa chất sử dụng: Không có.

1.2.3. Hệ thống xử lý bụi trung tâm:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi từ thiết bị mài, chà nhám → Ống thu bụi → Máy hút bụi trung tâm có bộ lọc → Ống thải → Cửa xả tại mặt dựng tòa nhà kích thước 600mm x 600mm, cao 16,65m tính từ mặt đất đến tim cửa.
- Công suất thiết kế: 700 m<sup>3</sup>/giờ
- Hóa chất sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.
- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.
- Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý. Trong trường hợp thiết bị gặp sự cố, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.
- Giám sát hệ thống xử lý bụi, khí thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.
- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.
- Khi hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu quy định dừng ngay việc xả khí thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

### 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 3 tháng dự kiến từ tháng 7 năm 2024.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải buồng sơn nhanh số 01;
- Hệ thống xử lý khí thải buồng sơn nhanh số 02;
- Hệ thống xử lý khí thải buồng sơn nhanh số 03;
- Hệ thống xử lý khí thải buồng sơn sấy số 01;
- Hệ thống xử lý bụi trung tâm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí 01: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của buồng sơn nhanh số 01, tọa độ: X = 1189106,972; Y = 607359,767.
- Vị trí 02: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của buồng sơn nhanh số 02, tọa độ: X = 1189110,045; Y = 607359,767.
- Vị trí 03: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của buồng sơn nhanh số 03, tọa độ: X = 1189116,190; Y = 607359,767.
- Vị trí 04: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của buồng sơn sấy số 01, tọa độ: X = 1189113,118; Y = 607359,757.
- Vị trí 05: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi trung tâm, tọa độ: X = 1189110,122; Y = 607359,757.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°).

### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định, thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống xử lý bụi, khí thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 7 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tại khu vực xưởng sửa chữa tầng 1.
- Nguồn số 02: Tại khu vực xưởng sửa chữa tầng 2.
- Nguồn số 03: Tại khu vực xưởng đào tạo tầng 3.
- Nguồn số 04: Tại phòng máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 05: Tại hệ thống xử lý nước mưa tại tầng hầm.
- Nguồn số 06: Tại hệ thống xử lý nước thải tại tầng hầm.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: X = 1189088,546; Y = 607362,874.
- Nguồn số 02: X = 1189088,546; Y = 607362,874.
- Nguồn số 03: X = 1189131,651; Y = 607390,082.
- Nguồn số 04: X = 1189082,498; Y = 607393,278.
- Nguồn số 05: X = 1189143,845; Y = 607359,659.
- Nguồn số 06: X = 1189125,477; Y = 607380,987.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°).

**3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

<b>Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)</b>	<b>Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)</b>	<b>Tần suất quan trắc định kỳ</b>	<b>Ghi chú</b>
70	55	-	Khu vực thông thường

## 3.2. Độ rung

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	60	-	<i>Khu vực thông thường</i>

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Thường xuyên theo dõi và bảo dưỡng máy móc thiết bị để máy luôn hoạt động tốt; kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ tra dầu mỡ bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm bớt tiếng ồn.
- Hạn chế thử xe trong những thời gian từ 12 giờ - 13 giờ và từ 18 giờ đến 08 giờ sáng hôm sau.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của dự án, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

**Phụ lục 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 7 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Mã chất thải</b>	<b>Khối lượng (kg/năm)</b>
1	Các vật liệu mài dạng hạt thải bỏ có các thành phần nguy hại (bụi mài)	07 03 08	10
2	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có thành phần nguy hại	07 03 10	25
3	Cặn sơn, sơn và véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 01 01	133
4	Dung môi tẩy sơn hoặc véc ni thải	08 01 05	100
5	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	1.188
6	Bộ lọc dầu	15 01 02	180
7	Các thiết bị, bộ phận có thủy ngân	15 01 03	42
8	Các thiết bị, bộ phận có PCB	15 01 04	36
9	Các thiết bị, bộ phận có khả năng nổ (túi khí)	15 01 05	85
10	Các chi tiết, bộ phận của phanh có amiăng	15 01 06	122
11	Dầu phanh thải	15 01 07	3.000
12	Hóa chất chống đông thải có thành phần nguy hại	15 01 08	130
13	Các thiết bị linh kiện nguy hại khác	15 01 09	30
14	Pin, ắc quy thải	16 01 12	43

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
15	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	24.000
16	Bao bì mềm (đã chứa chất thải khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	70
17	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất thải khi thải ra là CTNH)	18 01 03	120
18	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	200
19	Ắc quy chì thải	19 06 01	1.000
20	Các loại pin, ắc quy khác	19 06 05	100
21	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ	19 12 03	140
<b>Tổng</b>			<b>30.754</b>

### 1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
<b>I</b>	<b>Chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng</b>	
1	Nhựa thải	1.230
2	Lốp cao su	1.200
3	Kim loại thải	2.400
4	Giấy thải	120
5	Thủy tinh	600
6	Gỗ thải	200
<b>II</b>	<b>Chất thải phải xử lý</b>	
1	Các phù tùng thải bỏ khác không chứa thành phần nguy hại	600
<b>Tổng</b>		<b>6.350</b>

### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 55 tấn/năm.

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

#### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí các thùng nhựa có nắp đậy kín để lưu chứa riêng từng loại chất thải nguy hại.

- Hệ thống thu gom dầu thải và bồn lưu chứa dầu thải 2.000 lít đặt tại tầng hầm.

#### 2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Bố trí 2 nhà kho lưu chứa chất thải nguy hại gồm: 01 kho tại tầng 01 diện tích 5,93 m<sup>2</sup> và 01 kho tại tầng 02 diện tích 12 m<sup>2</sup>.

- Các kho được bố trí ngay bên trong tòa nhà, được xây dựng kiên cố với nền bê tông, tường bao quanh. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có dán mã chất thải, biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa, được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, vật liệu hấp phụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường

#### 2.2.1 Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí các thùng nhựa có nắp đậy để lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Đối với các chất thải rắn công nghiệp thông thường có kích thước lớn như lốp xe không thể bố trí thùng chứa được công ty tập trung theo một khu vực riêng.

2.2.2. Khu vực lưu chứa: Bố trí 03 kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường bên trong tòa nhà, được xây dựng kiên cố với nền bê tông, tường bao quanh gồm: 01 kho tại tầng hầm diện tích 30,25 m<sup>2</sup>; 01 kho tại tầng 02 diện tích 5,58 m<sup>2</sup> và 01 kho tại tầng 03 diện tích 7,75 m<sup>2</sup>.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng nhựa đựng chất thải sinh hoạt chuyên dụng, có nắp đậy.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Bố trí 01 kho diện tích 16,8 m<sup>2</sup> tại tầng 1.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 5**

**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-BQL ngày tháng 7 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

Các công trình, hạng mục công trình và các yêu cầu bảo vệ môi trường tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 2958/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Lắp đặt buồng sơn nhanh số 04 và hệ thống xử lý khí thải công suất 20.000 m<sup>3</sup>/giờ cho buồng sơn nhanh số 04.
2. Lắp đặt buồng sơn nhanh số 05 và hệ thống xử lý khí thải công suất 20.000 m<sup>3</sup>/giờ cho buồng sơn nhanh số 05.
3. Lắp đặt buồng sơn sấy số 02 và hệ thống xử lý khí thải công suất 32.000 m<sup>3</sup>/giờ cho buồng sơn sấy số 02.
4. Lắp đặt đường ống thu gom bụi phát sinh công đoạn mài, chà nhám thực hiện trong các buồng sơn nhanh số 04, 05 về hệ thống xử lý bụi trung tâm (bổ sung so với Quyết định số 2958/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của dự án.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Giảm thiểu chất thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

5. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.